ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 242 /KH-UBND	*Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/ 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình);

Căn cứ Quyết định số 4454/QĐ-BNN-VPNTN ngày 15/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 11/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Kế hoạch khoa học và công nghệ), như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp và người dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ban, ngành của tỉnh; Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cung cấp kịp thời những luận cứ khoa học, thực tiễn và giải pháp thúc đẩy thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 thông qua tập hợp nguồn lực khoa học và công nghệ đa ngành; góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống của người dân; thúc đẩy liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền.

2. Mục tiêu cụ thể

- Ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp có trách nhiệm theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai; giải pháp tổng hợp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn; giải pháp quản trị và kết nối các cộng đồng dân cư gắn với cải thiện dịch vụ công và cải cách hành chính trong nông thôn.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng xã, huyện trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc thù của từng địa phương.

3. Một số chỉ tiêu và sản phẩm

- Các giải pháp khoa học, ứng dụng công nghệ đảm bảo tăng hiệu quả kinh tế tối thiểu 15%, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; ít nhất 70% mô hình được triển khai trong Chương trình được các địa phương tiếp tục triển khai, nhân rộng.

- Tối thiểu 80% mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn được triển khai trong Chương trình có sự liên kết đa ngành, theo chuỗi giá trị và hợp tác công tư.

- Tối thiểu 25% mô hình triển khai trong Chương trình được triển khai thực hiện ở các xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo, các địa phương chưa đạt chuẩn nông thôn mới, góp phần đẩy nhanh tiến độ đạt được các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền.

4. Phạm vi, quy mô, đối tượng

Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh gắn với các nội dung trọng tâm của nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, y tế, giáo dục, thể chế và an ninh trật tự trong nông thôn.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt

- Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các văn bản có liên quan của các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tới toàn thể nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng….

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền nhân rộng những mô hình tốt về phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng vùng, huyện, thành phố trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm cấp tỉnh và sản phẩm đặc thù địa phương.

- Phát hành các sách, tài liệu, ấn phẩm *(bản giấy và điện tử)* về các quy trình, công nghệ đã chuyển giao; mô hình tổ chức, quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất là sản phẩm của các đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên Bản tin khoa học và công nghệ, Website của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, bá Tuyên Quang, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh… nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Định hướng nghiên cứu hằng năm tập trung vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ hữu cơ trong sản xuất, chế biến, chọn tạo nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng tốt, chống chịu tốt với sâu bệnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Tăng cường hệ thống phòng trừ, kiểm soát dịch hại, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...)*. Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

- Rà soát, hướng dẫn, ban hành hướng dẫn sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương; Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư nông nghiệp, quy trình kỹ thuật sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật. Trọng tâm là sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực, ….

3. Nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới và tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan ban hành.

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách thu hút thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái; phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng nông thôn mới theo hướng tích hợp các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới bền vững gắn với quá trình đô thị hóa, hội nhập quốc tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Lồng ghép, triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tiếp cận thông tin khoa học, kỹ thuật; hỗ trợ nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp. Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các giải pháp xã hội hóa, hợp tác công tư trong đầu tư, phát triển, quản lý và khai thác công trình bảo vệ môi trường, hạ tầng nông thôn, hạ tầng thương mại phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững; phát huy vai trò của chính quyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp *(đặc biệt là cấp cơ sở)* trong việc thực hiện Chương trình nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới; phát triển và thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng nông thôn mới, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững kết hợp tăng trưởng xanh.

4. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn bền vững trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ

a) Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

- Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ quản trị nông thôn; xã hội hóa công nghệ thông tin trong quản lý cộng đồng, kết nối thôn, bản, hợp tác xã, đáp ứng tốt hơn dịch vụ công trong cộng đồng cư dân nông thôn.

- Phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề và vùng, huyện, thành phố.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế trang trại, các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất và kinh doanh theo chuỗi giá trị.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái thôn, bản thông minh với các dịch vụ nông thôn phù hợp hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn, thúc đẩy kết nối nông thôn - đô thị, giải pháp thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn với thành thị và khoảng cách giữa các vùng, huyện, thành phố.

b) Xây dựng nông thôn bền vững

- Bảo vệ, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước đảm bảo phục vụ cấp nước sạch nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, kiến trúc cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của vùng, huyện, thành phố và gắn với quá trình đô thị hóa.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong phát triển hạ tầng nông thôn bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, kinh tế - xã hội của các vùng, huyện, thành phố.

- Nâng cao chất lượng giáo dục; chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cộng đồng.

- Bảo vệ môi trường nông thôn trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa; đẩy mạnh công tác thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường sáng- xanh- sạch- đẹp.

- Phát triển hạ tầng thương mại, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giải pháp tăng cường áp dụng các chứng nhận chất lượng trong sản xuất và thương mại nông sản, thủy sản.

- Mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, nông nghiệp chính xác, vật liệu mới; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ và hiện đại hóa công tác thủy lợi để phát triển sản xuất, sơ chế và chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng an toàn, hữu cơ, sinh thái.

- Mô hình ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn.

- Mô hình làng sinh thái, làng thông minh đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

- Mô hình khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; phát triển kinh tế rừng; trồng và bảo vệ rừng; phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

- Mô hình xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Mô hình xã hội hóa, mô hình hợp tác công tư trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình hạ tầng nông thôn và bảo vệ môi trường.

(Chi tiết có Phụ lục gửi kèm theo).

5. Về nguồn vốn thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Mục III Điều 1 của Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

b) Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện. Xác định, lựa chọn đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án; quản lý việc triển khai thực hiện đề tài, dự án; đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài, dự án khi kết thúc; nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên các đề tài, dự án có ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện rà soát, lồng ghép các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc chức năng quản lý nhà nước được giao để tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nội dung của Chương trình trên cùng địa bàn và đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đối tượng thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời thẩm định kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và hằng năm, trong đó cân đối, bố trí lồng ghép nguồn vốn để thực hiện nội dung khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, đảm bảo phù hợp theo quy định của Chương trình và Luật Đầu tư công. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hằng năm để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

5. Các Sở, ban, ngành của tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu trong việc tham gia, hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan thuộc Chương trình.

6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Căn cứ vào Kế hoạch, chủ động xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, làm cơ sở để bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện.

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới triển khai tại địa bàn.

- Đề xuất kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới triển khai tại địa bàn từ nguồn kinh phí sự nghiệp nông thôn mới hàng năm của tỉnh; đồng thời bố trí kinh phí của huyện, thành phố để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù phù hợp với Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới và điều kiện thực tế trên địa bàn.

7. Chế độ báo cáo

Định kỳ hằng năm *(ngày 20/11)* các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 01/12.

Yêu cầu các sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chủ động tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố kịp thời báo cáo, đề xuất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng KT, THCB&KSTTHC;
- Lưu: VT (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương

PHỤ LỤC
Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 242 /KH-UBND ngày 31 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	**Công tác quán triệt, tuyên truyền phổ biến**			
1.1	Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia...; các văn bản có liên quan của các Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tới toàn thể nhân dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng.…	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
1.2	Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền nhân rộng những mô hình tốt về phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng vùng, huyện, thành phố trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm cấp tỉnh và sản phẩm đặc thù địa phương.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành của tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025

STT	Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.3	Phát hành các sách, tài liệu, ấn phẩm (bản giấy và điện tử) về các quy trình, công nghệ đã chuyển giao; mô hình tổ chức, quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất là sản phẩm của các đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Năm 2022 - 2025
1.4	Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật trên Bản tin khoa học và công nghệ, Website của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Cổng thông tin điện tử các huyện, thành phố… nhằm nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 - 2025
2	**Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số**			
2.1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ hữu cơ trong sản xuất, chế biến, chọn tạo nhân giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng tốt, chống chịu tốt với sâu bệnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 - 2025
2.2	Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Tăng cường hệ thống phòng trừ, kiểm soát dịch hại, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025

STT	Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
2.3	Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025
2.4	Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư nông nghiệp, quy trình kỹ thuật sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của Việt Nam và thị trường nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật. Trọng tâm là sản xuất, sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực, ….	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	**Nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**			
3.1	Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan ban hành.	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
3.2	Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách thu hút thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, nông nghiệp sinh thái; phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025
3.3	Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng nông thôn mới theo hướng tích hợp các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng nông thôn mới bền vững gắn với quá trình đô thị hóa, hội nhập quốc tế và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Lồng ghép, triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tiếp cận thông tin khoa học, kỹ thuật; hỗ trợ nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp. Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025

STT	Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.4	Tổ chức triển khai có hiệu quả các giải pháp xã hội hóa, hợp tác công tư trong đầu tư, phát triển, quản lý và khai thác công trình bảo vệ môi trường, hạ tầng nông thôn, hạ tầng thương mại phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững; phát huy vai trò của chính quyền, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp (đặc biệt là cấp cơ sở) trong việc thực hiện Chương trình nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới; phát triển và thúc đẩy vai trò của các tổ chức xã hội trong xây dựng nông thôn mới, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững kết hợp tăng trưởng xanh.	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4	**Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn bền vững trên cơ sở ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ**	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2022 -2025